



Giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT và phí vận chuyển.

2W Series BRASS - Normally Open

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W025-06H	708,000	1/8"	2.5	0~5	NBR		Forged brass
2W025-08H	708,000	1/4"	2.5	0~5	NBR		Forged brass
2W040-10H	1,160,000	3/8"	4	0~5	NBR		Forged brass
2W160-10H	1,414,000	3/8"	16	0~5	NBR		Forged brass
2W160-15H	1,414,000	1/2"	16	0~5	NBR		Forged brass
2W200-20H	1,565,000	3/4"	20	0~5	NBR		Forged brass
2W250-25H	1,919,000	1"	25	0~5	NBR		Forged brass
2W350-35H	3,888,000	1 1/4"	35	0~5	NBR		Cast brass
2W400-40H	4,140,000	1 1/2"	40	0~5	NBR		Cast brass
2W500-50H	5,554,000	2"	50	0~5	NBR		Cast brass
2W025-06VH	708,000	1/8"	2.5	0~5	VITON		Forged brass
2W025-08VH	708,000	1/4"	2.5	0~5	VITON		Forged brass
2W040-10VH	1,160,000	3/8"	4	0~5	VITON		Forged brass
2W160-10VH	1,515,000	3/8"	16	0~5	VITON		Forged brass
2W160-15VH	1,515,000	1/2"	16	0~5	VITON		Forged brass
2W200-20VH	1,616,000	3/4"	20	0~5	VITON		Forged brass
2W250-25VH	2,020,000	1"	25	0~5	VITON		Forged brass
2W350-35VH	4,140,000	1 1/4"	35	0~5	VITON		Cast brass
2W400-40VH	4,445,000	1 1/2"	40	0~5	VITON		Cast brass
2W500-50VH	5,858,000	2"	50	0~5	VITON		Cast brass

2W Series S.S. 304 - Normally Closed

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W025-06B	505,000	1/8"	2.5	0~7	NBR		SS304
2W025-08B	505,000	1/4"	2.5	0~7	NBR		SS304
2W040-10B	708,000	3/8"	4	0~7	NBR		SS304
2W160-10B	1,160,000	3/8"	16	0~7	NBR		SS304
2W160-15B	1,160,000	1/2"	16	0~7	NBR		SS304
2W200-20B	1,315,000	3/4"	20	0~7	NBR		SS304
2W250-25B	1,818,000	1"	25	0~7	NBR		SS304
2W350-35B	3,029,000	1 1/4"	35	0~7	NBR		SS304
2W400-40B	3,385,000	1 1/2"	40	0~7	NBR		SS304
2W500-50B	4,898,000	2"	50	0~7	NBR		SS304

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W250-25FB	3,385,000	Flange Connection		0~7	NBR		SS304
2W350-35FB	4,948,000		32	0~7	NBR		SS304
2W400-40FB	5,455,000		40	0~7	NBR		SS304
2W500-50FB	7,775,000		50	0~7	NBR		SS304
2W025-06BV	505,000	1/8"	2.5	0~7	VITON		SS304
2W025-08BV	505,000	1/4"	2.5	0~7	VITON		SS304
2W040-10BV	732,000	3/8"	4	0~7	VITON		SS304
2W160-10BV	1,212,000	3/8"	16	0~7	VITON		SS304
2W160-15BV	1,212,000	1/2"	16	0~7	VITON		SS304
2W200-20BV	1,365,000	3/4"	20	0~7	VITON		SS304
2W250-25BV	1,919,000	1"	25	0~7	VITON		SS304
2W350-35BV	3,282,000	1 1/4"	35	0~7	VITON		SS304
2W400-40BV	3,610,000	1 1/2"	40	0~7	VITON		SS304
2W500-50BV	5,150,000	2"	50	0~7	VITON		SS304
2W250-25FBV	3,484,000	Flange Connection	25	0~7	VITON		SS304
2W350-35FBV	5,150,000		32	0~7	VITON		SS304
2W400-40FBV	5,655,000		40	0~7	VITON		SS304
2W500-50FBV	7,978,000		50	0~7	VITON		SS304

2W Series S.S. 304 - Normally Open

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W025-06BH	1,110,000	1/8"	2.5	0~5	NBR		SS304
2W025-08BH	1,110,000	1/4"	2.5	0~5	NBR		SS304
2W040-10BH	1,315,000	3/8"	4	0~5	NBR		SS304
2W160-10BH	1,718,000	3/8"	16	0~5	NBR		SS304
2W160-15BH	1,718,000	1/2"	16	0~5	NBR		SS304
2W200-20BH	1,818,000	3/4"	20	0~5	NBR		SS304
2W250-25BH	2,375,000	1"	25	0~5	NBR		SS304
2W350-35BH	4,395,000	1 1/4"	35	0~5	NBR		SS304
2W400-40BH	4,645,000	1 1/2"	40	0~5	NBR		SS304
2W500-50BH	6,564,000	2"	50	0~5	NBR		SS304
2W250-25FBH	4,342,000		25	0~5	NBR		SS304
2W350-35FBH	5,958,000	Flange	32	0~5	NBR		SS304
2W400-40FBH	6,918,000	connec-	40	0~5	NBR		SS304
2W500-50FBH	8,988,000	tion	50	0~5	NBR		SS304
2W025-06BVH	1,110,000	1/8"	2.5	0~5	VITON		SS304
2W025-08BVH	1,110,000	1/4"	2.5	0~5	VITON		SS304
2W040-10BVH	1,315,000	3/8"	4	0~5	VITON		SS304
2W160-10BVH	1,768,000	3/8"	16	0~5	VITON		SS304
2W160-15BVH	1,768,000	1/2"	16	0~5	VITON		SS304
2W200-20BVH	1,919,000	3/4"	20	0~5	VITON		SS304
2W250-25BVH	2,474,000	1"	25	0~5	VITON		SS304
2W350-35BVH	4,594,000	1 1/4"	35	0~5	VITON		SS304

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W400-40BVH	4,898,000	1 1/2"	40	0~5	VITON		SS304
2W500-50BVH	6,918,000	2"	50	0~5	VITON		SS304
2W250-25FBVH	4,445,000		25	0~5	VITON		SS304
2W350-35FBVH	6,160,000	Flange	32	0~5	VITON		SS304
2W400-40FBVH	7,169,000	connec-	40	0~5	VITON		SS304
2W500-50FBVH	9,239,000	tion	50	0~5	VITON		SS304

2W Series BRASS - Normally Closed

Model code	Market Price (VND)	Pipe Size	Orifice (mm)	Pressure bar	Seals	Coil Class	Body Material
2W025-06	335,000	1/8"	2.5	0~7	NBR		Forged brass
2W025-08	335,000	1/4"	2.5	0~7	NBR		Forged brass
2W040-10	555,000	3/8"	4	0~7	NBR		Forged brass
2W100-10	656,000	3/8"	10	0~7	NBR		Forged brass
2W160-10	858,000	3/8"	16	0~7	NBR		Forged brass
2w100-15	656,000	1/2"	10	0~7	NBR		Forged brass
2W160-15	858,000	1/2"	16	0~7	NBR		Forged brass
2W200-20	985,000	3/4"	20	0~7	NBR		Forged brass
2W250-25	1,414,000	1"	25	0~7	NBR		Forged brass
2W350-35	2,322,000	1 1/4"	35	0~7	NBR		Cast brass
2W400-40	2,625,000	1 1/2"	40	0~7	NBR		Cast brass
2W500-50	3,989,000	2"	50	0~7	NBR		Cast brass
2W025-06V	335,000	1/8"	2.5	0~7	VITON		Forged brass
2W025-08V	335,000	1/4"	2.5	0~7	VITON		Forged brass
2W040-10V	555,000	3/8"	4	0~7	VITON		Forged brass
2W160-10V	909,000	3/8"	16	0~7	VITON		Forged brass
2W160-15V	909,000	1/2"	16	0~7	VITON		Forged brass
2W200-20V	1,035,000	3/4"	20	0~7	VITON		Forged brass
2W250-25V	1,515,000	1"	25	0~7	VITON		Forged brass
2W350-35V	2,524,000	1 1/4"	35	0~7	VITON		Cast brass
2W400-40V	2,828,000	1 1/2"	40	0~7	VITON		Cast brass
2W500-50V	4,240,000	2"	50	0~7	VITON		Cast brass

ĐIỀU KHOẢN BẢO HÀNH

- Thời gian bảo hành : 2 năm từ ngày mua hàng.
- Điều kiện bảo hành :
 - * Thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất.
 - * Tem bảo hành còn nguyên vẹn. Thiết bị chưa tháo ráp, sửa chữa.
- Địa chỉ bảo hành : 205 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TPHCM.
Kết quả bảo hành được phản hồi trong 07 ngày làm việc.
- Hàng đã mua, miễn trả lại nếu không do lỗi của nhà sản xuất